

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đắk Ha đến năm 2035

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020; Luật đất đai ngày 18/01/2024; Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khóa XV về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị định 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ, quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh Đắk Nông cho các huyện, thành phố Gia Nghĩa;

Căn cứ Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành quy chế dân chủ trong công tác quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn số 1615/UBND-KT ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc rà soát quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và xây dựng kế hoạch triển khai lập quy hoạch trên địa bàn các huyện, thành phố;

Căn cứ Công văn số 1205/UBND-KTHT ngày 21/4/2022 của UBND huyện Đắk Glong về việc thống nhất chủ trương lập quy hoạch chung xây dựng các xã trên địa bàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND huyện Đắk Glong về việc thành lập Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã trên địa bàn huyện Đắk Glong;

Căn cứ Quyết định 21/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đắk Ha đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND huyện Đắk Glong về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã trên địa bàn huyện Đắk Glong;

Xét Kết quả thẩm định số 31/KQTD-HĐTD ngày 20/3/2025 của Hội đồng thẩm định số 544 về việc thẩm định Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đắk Ha đến năm 2035 và Tờ trình số 09/TTr-KTHT&ĐT ngày 20/3/2025 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện Đắk Glong.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đắk Ha đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu như sau:

- 1. Tên đồ án:** Quy hoạch chung xây dựng xã Đắk Ha đến năm 2035.
- 2. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân xã Đắk Ha.
- 3. Đơn vị tư vấn:** Công ty TNHH MTV Kiến trúc và Xây dựng HD.
- 4. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:**

- Vị trí khu vực lập quy hoạch là toàn bộ xã Đăk Ha huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông: Giáp xã Đăk R' măng;

+ Phía Tây: Giáp xã Đăk Nia, phường Quảng Thành và phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa;

+ Phía Nam: Giáp xã Đăk Plao;

+ Phía Bắc: Giáp xã Quảng Sơn;

- Quy mô diện tích: Khu vực lập quy hoạch gồm toàn bộ ranh giới hành chính địa bàn xã Đăk Ha có diện tích đất tự nhiên là: 15.279,77 ha.

- Quy mô dân số tính đến ngày 30/12/2023 thì xã Đăk Ha có tổng 2.857 hộ với 11.406 khẩu.

5. Mục tiêu, tính chất, chức năng của xã:

5.1. Mục tiêu chung:

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, làm cơ sở lập các quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng khu chức năng và lập các dự án đầu tư xây dựng.

- Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện 19 tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020; cập nhật những nội dung thay đổi để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Đăk Ha và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đăk Glong trong giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2035.

- Định hướng Quy hoạch xây dựng xã Đăk Ha đảm bảo đạt tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và trở thành xã đạt chuẩn xã nông thôn mới trong giai đoạn 2021 - 2025 theo Kế hoạch xây dựng nông thôn mới của huyện Đăk Glong.

- Rà soát cập nhật bổ sung cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện được phê duyệt. Rà soát bổ sung, điều chỉnh các nội dung quy hoạch theo đúng yêu cầu phát triển xã, khắc phục những tồn tại hạn chế trong xây dựng nông thôn mới hiện nay, đặc biệt là các giải pháp nâng cao cảnh quan và môi trường; Rà soát điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đăk Glong nói chung, xã Đăk Ha nói riêng trong thời kỳ mới.

5.2. Mục tiêu cụ thể:

- Phát triển trung tâm xã trở thành một trong các điểm dân cư có tiềm năng nhất của xã. Tối thiểu 50% số công trình công cộng cơ bản cấp xã được bố trí tại khu trung tâm xã, nhằm tạo bộ mặt và phục vụ tốt người dân trong xã;

- Rà soát, điều chỉnh các khu, điểm dân cư, các công trình công cộng, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện và tình hình thực tế, khả năng đáp ứng của địa phương; Phát triển xây dựng các điểm dân cư có tiềm năng theo điều kiện sống, cảnh quan, môi trường nông thôn;

- Phát triển xây dựng hạ tầng đầu mối ngoài khu dân cư (bao gồm cả hạ

tăng phục vụ sản xuất nông nghiệp) đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất hàng hóa lớn và sinh hoạt người dân; Rà soát, bổ sung phương án sản xuất nông nghiệp hàng hóa, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương nhằm nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư.

- Tổ chức không gian tổng thể toàn địa bàn xã, tổ chức phân bố các khu chức năng sản xuất, khu dân cư... cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay và phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quy hoạch;

- Rà soát Quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã theo hướng hiện đại và giữ gìn bản sắc địa phương; phù hợp với quy hoạch chung của huyện; phát huy tối đa nội lực và sự hỗ trợ bên ngoài, làm cơ sở thực hiện các mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển các điểm dân cư tập trung và hệ thống kết cấu hạ tầng; cho việc hướng dẫn, quản lý đất đai và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã;

- Đối với quỹ đất sản xuất nông nghiệp, bố trí quỹ đất hợp lý cho phát triển các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; tạo vùng trồng cây ăn quả tập trung, theo hướng hiện đại;

- Đối với quỹ đất ven suối, đầu nguồn nước, đồi núi, không phù hợp với phát triển nông nghiệp cần chuyển sang quy hoạch đất lâm nghiệp, trồng rừng nhằm mục đích bảo vệ nguồn nước, cải thiện môi trường, sinh thái, phát triển du lịch cộng đồng, tăng độ che phủ rừng;

- Khắc phục kịp thời những bất cập trong đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đăk Ha, huyện Đăk Glông giai đoạn 2011 - 2016 và định hướng đến năm 2020;

- Cùng cố, điều chỉnh phát triển bền vững 19 tiêu chí của xã theo hướng xây dựng xã đạt nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

5.3. Tính chất, chức năng của xã và kinh tế chủ đạo của xã:

- Là xã miền núi với kinh tế chủ đạo là lâm nghiệp và nông nghiệp, cần đa dạng ngành kinh tế để tạo ra sự chuyển biến tích cực về sản phẩm. Kinh tế chuyển dịch theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ du lịch;

- Với những tiềm năng và lợi thế trong giai đoạn tới, Đăk Ha sẽ là xã thuần nông, kinh tế chủ yếu phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp kết hợp, tiểu thủ công nghiệp chế biến nông lâm sản; sản xuất nông nghiệp kết hợp dịch vụ du lịch... với các mô hình sản xuất, trồng trọt, mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cơ cấu kinh tế được xác định Nông nghiệp – Công nghiệp – Dịch vụ. Đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

6. Quy mô dân số, lao động; quy mô đất xây dựng; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

6.1. Dự báo quy mô dân số, lao động:

- Quy mô dân số giai đoạn phân kỳ đợt đầu (*đến năm 2030*) dự kiến: khoảng 13.109 người. Quy mô lao động khoảng 9.176 người.

- Quy mô dân số giai đoạn phân kỳ dài hạn (đến năm 2035) dự kiến: khoảng 14.433 người. Quy mô lao động khoảng 10.103 người.

6.2. Dự báo quy mô đất xây dựng:

- Quy mô đất xây dựng giai đoạn phân kỳ đợt đầu (đến năm 2030) dự kiến: > 48,5 ha.

- Quy mô đất xây dựng giai đoạn phân kỳ dài hạn (2030 - 2035) dự kiến: > 53,4 ha.

6.3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

Chỉ tiêu sử dụng đất cho các mục đích phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương nhưng không được nhỏ hơn quy định theo QCVN01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng.

7. Phân khu chức năng:

7.1. Khu trung tâm xã:

- Kế thừa đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đăk Ha giai đoạn 2010 – 2020. Khu trung tâm xã phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung toàn xã và của huyện và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Kết nối với hệ thống cơ sở hạ tầng của các xã kế bên, xác định các công trình có thể sử dụng chung. Quy hoạch không gian khu trung tâm xã tạo điểm nhấn kiến trúc cho không gian chung toàn xã. Rà soát lại các hạng mục công trình, trên cơ sở đó xác định cần mở rộng hay xây dựng mới công trình. Bố trí sử dụng đất hợp lý, đảm bảo tiết kiệm trên cơ sở quỹ đất hiện có, ngoài ra còn phải đảm bảo mục tiêu “phát triển xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc”.

- Trung tâm xã: là bao gồm khu vực tập trung các công trình công cộng cấp xã như: trụ sở hành chính xã, chợ, nhà văn hóa thể thao, bưu điện... nằm trên trục đường chính quan trọng của xã là Quốc lộ 28.

- Công trình được bố trí thuận tiện tiếp cận, khoảng cách đến các khu dân cư trong bán kính đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí của người dân trong khu vực.

- Khu trung tâm xã dự kiến diện tích khoảng 93,95 ha, bao gồm các công trình công cộng chính của xã và các khu vực phát triển mới.

- Dự kiến quy mô dân số khu vực trung tâm xã khoảng 8.000 người.

- Dự báo quy hoạch nhu cầu đất ở đối với khu vực trung tâm xã cần tối thiểu 50,75 ha.

7.2. Khu dân cư mới và cải tạo thôn, bon:

- Tạo lập khu dân cư mới đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, có chất lượng sống cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã và chính trang, cải tạo khu dân cư đã có gắn với quy hoạch sản xuất và quy hoạch sử dụng đất đai phù hợp với điều kiện thực tế của xã, khuyến khích xây dựng nhà vườn theo mô hình vườn, ao, chuồng và các công trình phục vụ thôn, xóm, và khu chức năng.

- Tạo lập quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội và tái định cư phục vụ cho các hộ dân bị giải tỏa do quá trình khai thác bauxit mà không làm thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất vì các điểm dân cư số 1; 2; 4 thuộc khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (Theo quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ) sẽ được giải tỏa, đền bù theo lộ trình khai thác.

- Khai thác hiệu quả quỹ đất đối với các vùng có tiềm năng phát triển và có địa hình sản xuất không hiệu quả. Ngoài ra tạo nguồn thu ngân sách thông qua chuyển nhượng, đấu giá... cho ngân sách địa phương.

- Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư toàn xã và chỉnh trang khu dân cư hiện hữu phải đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất của khu dân cư, khu trung tâm xã, khu xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dành cho các mục đích khác (quốc phòng, du lịch, di tích lịch sử...). Khu vực (theo chức năng) đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch được giữ lại; khu vực đã ổn định cần chỉnh trang, cải tạo. Những khu đất không còn phù hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

- Cần chuyển đổi mục đích sử dụng những thửa đất canh tác nhỏ lẻ xen lẫn với đất thổ cư để có điều kiện hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

7.2.1. Điểm dân cư Trung tâm xã (điểm dân cư số 1):

- Quy mô diện tích: 93,95 ha;
- Diện tích đất ở nông thôn: 50,75 ha;
- Quy mô dân số giai đoạn dài hạn: 2.650 – 2.800 người;
- Tính chất: điểm dân cư gắn với trung tâm xã.

7.2.2. Điểm dân cư nông thôn số 02:

- Quy mô diện tích: 23,27 ha;
- Diện tích đất ở nông thôn: 15,46 ha;
- Quy mô dân số giai đoạn dài hạn: 540 – 650 người;
- Tính chất: điểm dân cư nông thôn.

7.2.3. Điểm dân cư nông thôn số 03:

- Quy mô diện tích: 55,20 ha;
- Diện tích đất ở nông thôn: 37,71 ha;
- Quy mô dân số giai đoạn dài hạn: 1.340 – 1.500 người;
- Tính chất: điểm dân cư nông thôn và tái định cư phục vụ cho các hộ dân bị giải tỏa do quá trình khai thác bauxit.

7.2.4. Điểm dân cư nông thôn số 04:

- Quy mô diện tích: 14,73 ha;
- Diện tích đất ở nông thôn: 11,04 ha;
- Quy mô dân số giai đoạn dài hạn: 400 – 500 người;
- Tính chất: điểm dân cư nông thôn.

7.2.5. Điểm dân cư nông thôn số 05:

- Quy mô diện tích: 17,63 ha;
- Diện tích đất ở nông thôn: 16,54 ha;
- Quy mô dân số giai đoạn dài hạn: 570 – 650 người;
- Tính chất: điểm dân cư nông thôn.

7.2.6. Điểm dân cư nông thôn số 06:

- Quy mô diện tích: 114,98 ha;
- Diện tích đất ở nông thôn: 105,44 ha;
- Quy mô dân số giai đoạn dài hạn: 3.700 – 3.800 người;
- Tính chất: điểm dân cư nông thôn, nhà ở xã hội và tái định cư phục vụ cho các hộ dân bị giải tỏa do quá trình khai thác bauxit.

7.2.7. Dân cư phân bố rải rác:

- Quy hoạch đất ở rải rác: Quy mô 205,19 ha;
- Quy mô dân số giai đoạn dài hạn: 5.400 – 6.100 người.

7.3. Khu sản xuất:

7.3.1. Khu vực sản xuất nông nghiệp:

- Vị trí: tập trung tại khu vực trung tâm của xã và điểm dân cư nông thôn phía Tây và phía Nam của xã.

- Quy mô diện tích: khoảng 5.596 ha.

- Loại hình định hướng: Chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và tăng năng suất lao động. Chuyển một số diện tích rừng và đất lâm nghiệp phù hợp để phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực có giá trị kinh tế cao, đảm bảo bền vững theo quy hoạch, lộ trình và phù hợp với tình hình thực tế của các địa phương.

- Bố trí khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với diện tích 131,2ha tại khu vực thôn 7.

7.3.2. Khu vực sản xuất lâm nghiệp:

- Vị trí: được quy hoạch tập trung thành vùng lớn phía Đông của xã.

- Quy mô diện tích: khoảng 1.599 ha.

- Loại hình định hướng:

+ Thực hiện xã hội hóa về giống cây trồng lâm nghiệp, xác định một số loài cây trồng rừng gỗ lớn, ưu tiên đối với loài cây bản địa có giá trị kinh tế cao, phù hợp với từng vùng và một số loại cây mà người dân hưởng lợi từ cây phân tán như mắc ca,...;

+ Trồng rừng khảo nghiệm với một số loài đặc sản, cây dược liệu, phù hợp với từng vùng khí hậu bằng các mô hình trồng tập trung hoặc mô hình nông lâm kết hợp; ưu tiên đầu tư, phát triển hệ thống nghiên cứu và cung ứng các giống cây lâm nghiệp chất lượng cao.

7.3.3. *Chăn nuôi*: Chuyển đổi mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ sang mô hình chăn nuôi theo sản xuất hàng hóa tập trung, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, nâng cao tỷ trọng chăn nuôi.

7.3.4. *Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn*:

- Vị trí: Là khu vực nằm trên tuyến giao thông chính, thuộc khu vực tiếp giáp trung tâm xã đảm bảo kết nối, vận chuyển hàng hóa an toàn, thuận lợi, đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường cho khu dân cư theo quy định.

- Quy mô: khoảng 0,99 ha; đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế thực tiễn của từng địa phương, phù hợp với quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụm công nghiệp với diện tích 40,6ha. Xã Đăk Ha có 5.843,6ha thuộc khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (*Theo quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ*) chiếm 38,2% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Chức năng: sản xuất công nghiệp (*chủ yếu là chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn các vùng sản xuất chuyên canh*); thương mại (*chuyên doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi*); về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, tập trung phát triển các lĩnh vực (*khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng, chuyển đổi số*), dịch vụ thị trường (*phân tích, dự báo thị trường, xúc tiến thương mại; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng; bảo hiểm rủi ro, phòng chống thiên tai; bảo vệ môi trường*).

7.3.5. *Dịch vụ du lịch*:

Xã Đăk Ha có tiềm năng và lợi thế trong việc phát triển ngành du lịch. Do đó cần tiếp tục kế thừa khai thác các điểm đến đã được đầu tư và đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Đẩy mạnh phát triển bền vững, khuyến khích sự tham gia kết hợp doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, du khách và cộng đồng địa phương.

Tận dụng nguồn khách du lịch đổ về các điểm tham quan, di tích xung quanh và lợi thế về khí hậu tự nhiên ôn hòa mát mẻ, trung vào rừng núi và các khu vực cây xanh sẵn có của khu vực. Phát triển các loại hình du lịch như du lịch địa chất, du lịch nghỉ dưỡng, và các dịch vụ lưu trú, khách sạn nghỉ dưỡng phục vụ du khách đến với các điểm di sản địa chất, địa mạo (*hang động, miệng núi lửa, thác nước,...*) gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông.

7.4. *Các khu vực hạn chế phát triển và khu vực cấm xây dựng*:

- Vùng hạn chế xây dựng: Bao gồm các khu vực rừng sản xuất; rừng phòng hộ và các khu vực sản xuất nông nghiệp, khu vực này chủ yếu giữ theo hiện trạng, để đảm bảo ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Vùng cấm xây dựng: Bao gồm các vùng quanh các khe suối, ao hồ, đập. Đây là khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn.

- Khu vực không nằm trong vùng hạn chế phát triển: Quỹ đất xây dựng của xã lớn, phân bố ở các thôn, bon tùy theo nhu cầu cụ thể, tuy nhiên phải quản lý theo quy hoạch xây dựng cho phù hợp.

8. Định hướng hệ thống công trình công cộng, dịch vụ:

8.1. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng:

- Hệ thống công trình công cộng, dịch vụ được tổ chức thành 02 cấp, bao gồm: cấp xã và cấp thôn, bon.

- Trung tâm công cộng cấp xã: trung tâm hành chính cấp xã, trường học, y tế, thương mại dịch vụ ... thường nằm tập trung ở Khu trung tâm xã; một số khác nằm phân tán ở các khu vực khác. Đóng vai trò phục vụ chung toàn xã.

- Trung tâm công cộng cấp thôn, bon: nhà văn hóa, cây xanh, thể dục thể thao... được bố trí phân tán ở các điểm dân cư để đảm bảo bán kính phục vụ cho các nhóm nhà ở tại mỗi điểm.

8.2. Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bon:

8.2.1. Công trình trụ sở xã:

- Khu trung tâm hành chính xã (*trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN...*) đã được xây dựng tại vị trí tiếp cận với Quốc lộ 28 với quy mô sau khi quy hoạch là 0,63 ha. Hiện nay vẫn đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ cho dân cư trên toàn địa bàn xã.

- Vị trí: Giữ nguyên vị trí hiện tại, tại Bon Kon Hao.

- Quy mô diện tích: Mở rộng diện tích khuôn viên trụ sở Ủy ban nhân dân xã (*khoảng 6.262,7m²*), mở rộng về phía sau Ủy ban nhân dân hiện hữu.

- Định hướng:

+ Xây dựng hoàn thiện khuôn viên Ủy ban nhân dân xã, cải tạo các công trình kiến trúc hiện có trong khu vực khuôn viên Ủy ban nhân dân xã.

+ Xây dựng mới nhà làm việc xã đội.

+ Cải tạo, xây dựng vườn hoa, sân thể thao trong khu vực khuôn viên.

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%;

+ Tầng cao tối đa: 3 tầng ($\leq 15m$);

+ Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến đường giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

8.2.2. Công trình giáo dục:

- Quy hoạch xây dựng nhà trẻ, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, được bố trí đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của người dân và đóng góp xây dựng bộ mặt cho khu trung tâm xã.

- Cấp tiểu học có thể bố trí các điểm trường tại các địa điểm khác nhau trên địa bàn xã để thuận tiện cho việc đi học của trẻ em.

- Khu vực xây dựng trường phải đảm bảo yên tĩnh, có điều kiện vệ sinh tốt, bảo đảm học sinh đi lại được an toàn và thuận tiện.

- Định hướng:

- + Xây dựng hoàn thiện khuôn viên trường mầm non, cải tạo các công trình kiến trúc hiện có trong khu vực khuôn viên trường;
- + Xây dựng vườn hoa và sân chơi trong khu vực khuôn viên;
- + Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%;
- + Tầng cao xây dựng tối đa: 3 tầng ($\leq 15m$);
- + Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

Bảng tổng hợp các trường học

STT	Công trình	Diện tích (m ²)	Vị trí	Ghi chú
1	Mẫu giáo Hoa Mai			
	<i>Điểm chính</i>	8.535	<i>Thôn 3</i>	<i>Mở rộng quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông</i>
	<i>Điểm Bon Ting Wêl Đăng</i>	0	<i>Bon Ting Wêl Đăng</i>	<i>Chuyển cho nhà văn hóa Bon Ting Wêl Đăng</i>
	<i>Điểm lẻ thôn 6</i>	6.000	<i>Thôn 6</i>	<i>Giữ nguyên quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông</i>
	<i>Điểm lẻ thôn 8</i>	1.855	<i>Thôn 8</i>	<i>Giảm quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông</i>
2	Mẫu giáo Ánh Dương			
	<i>Điểm chính</i>	14.203	<i>Thôn 4</i>	<i>Mở rộng quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông</i>
	<i>Điểm lẻ thôn 5 – sử dụng chung với trường TH&THCS Trần Quốc Toàn</i>	6.512	<i>Thôn 5</i>	<i>Mở rộng quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông</i>
3	Trường tiểu học Nguyễn Trãi	8.640	Bon Ting Wêl Đăng	<i>Giảm quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông</i>
4	TH&THCS Trần Quốc Toàn			
	<i>Điểm chính (khối tiểu học)</i>	10.161	<i>Thôn 4</i>	<i>Giảm quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông</i>
	<i>Phân hiệu 1 (khối THCS)</i>	0	<i>Thôn 4</i>	<i>Chuyển cho trường mẫu giáo Ánh Dương</i>
	<i>Phân hiệu 2 (khối tiểu học, dùng chung với trường mẫu giáo Ánh Dương)</i>	0	<i>Thôn 5</i>	<i>Chuyển cho trường mẫu giáo Ánh Dương</i>
5	TH&THCS Trần Quốc Toàn XD mới	16.669	<i>Thôn 5</i>	<i>Xây dựng mới</i>

STT	Công trình	Diện tích (m ²)	Vị trí	Ghi chú
6	Trường THCS Chu Văn An	13.567	Bon Ting Wêl Đăng	Mở rộng quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông
7	Trường TH và THCS (dự kiến)	12.079	Thôn 6	Xây dựng mới

8.2.3. Công trình Y tế: Trạm y tế xã cần đặt tại nơi yên tĩnh, cao ráo, thoáng mát, có nguồn nước tốt, liên hệ thuận tiện với khu ở. Môi trường xung quanh phải bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh.

- Vị trí: Giữ nguyên vị trí Trạm y tế xã tại Bon Kon Hao.

- Quy mô: Mở rộng, Điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông quy hoạch, diện tích 1.759 m².

- Định hướng:

+ Cải tạo, nâng cấp quy mô công trình hiện có;

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%;

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 3 tầng ($\leq 15m$);

+ Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

8.2.4. Công trình Văn hóa:

* Nhà văn hóa xã (hội trường đa năng):

- Vị trí: Giữ nguyên vị trí hội trường nhà văn hóa xã tại thôn 3;

- Quy mô diện tích: 7.097 m²;

- Định hướng:

+ Giảm quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông;

+ Cải tạo, nâng cấp công trình và trang thiết bị phục vụ nhu cầu;

* Nhà văn hóa thôn, bon:

- Định hướng:

+ Mở rộng hoặc giữ nguyên quy mô cấp công trình hiện có;

+ Xây mới, cải tạo, nâng cấp công trình và trang thiết bị phục vụ nhu cầu;

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%;

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 1 tầng ($\leq 7m$);

+ Chỉ giới xây dựng: Tuân thủ theo quy định các tuyến giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m;

Bảng tổng hợp quy mô quy hoạch các công trình nhà văn hóa

STT	Công trình	Diện tích (m ²)	Vị trí	Ghi chú
I	Nhà văn hóa xã (hội trường đa năng)	7.097	Thôn 3	Giảm quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp

				với đường giao thông
II	Nhà văn hóa thôn, bon			
1	Nhà văn hóa Bon Kon Hao	1.206	Bon Kon Hao	Mở rộng quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông
2	Nhà văn hóa Bon Ting Wêl Đăng	995	Bon Ting Wêl Đăng	Giữ nguyên quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông
3	Nhà văn hóa thôn 3	3.807	Thôn 3	Mở rộng quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông
4	Nhà văn hóa thôn 4	3.113	Thôn 4	Mở rộng quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông
5	Nhà văn hóa thôn 5	6.512	Thôn 5	Mở rộng quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông
6	Nhà văn hóa thôn 6	2.314	Thôn 6	Giữ nguyên quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông
7	Nhà văn hóa thôn 7	3.413	Thôn 7	Mở rộng quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông
8	Nhà văn hóa thôn 8	863	Thôn 8	Mở rộng quy mô diện tích, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông

8.2.5. Đất cây xanh, thể dục thể thao:

* Cây xanh, Sân thể thao xã:

- Vị trí: Bố trí tại khu vực đất trước nhà văn hóa xã.

- Quy mô: 56.664 m².

- Định hướng:

+ Xây dựng cụm sân bãi thể thao phục vụ nhu cầu sử dụng chung toàn xã.

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa: 5%.

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 1 tầng ($\leq 5m$).

+ Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

* Cây xanh, Sân thể thao thôn, bon:

- Vị trí: Bố trí tại khu vực đất nhà văn hóa thôn, bon.

- Định hướng:

+ Xây dựng hàng rào, lưới bảo vệ quanh khu vực sân.

- + Cải tạo mặt sân, bố trí ghế đá,...
- + Cải tạo hệ thống chiếu sáng và các hạng mục còn thiếu.
- + Mật độ xây dựng thuần tối đa: 5%.
- + Tầng cao xây dựng tối đa: 1 tầng ($\leq 5m$).
- + Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

* Khu vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi:

- Vị trí: Quy hoạch xây dựng khu vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi tại bon Kon Hao, khu vực hồ trung tâm.

- Quy mô diện tích: 108.972 m².

- Quy hoạch xây dựng khu vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi đảm bảo nguyên tắc: Về vị trí là khu vực đầu mỗi giao thông chính của xã nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân có thể tiếp cận. Về quy mô phải đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở là nơi giao lưu văn hóa, thể thao, giải trí của địa phương.

8.2.6. Công trình an ninh – quân sự:

* Trụ sở Công an xã:

- Vị trí: tại Thôn 5.

- Quy mô diện tích: 1.934 m².

- Định hướng:

+ Cải tạo, giảm quy mô để phù hợp với định hướng quy hoạch giao thông.

+ Xây dựng các hạng mục, lát đặt trang thiết bị đáp ứng yêu cầu sử dụng với trụ sở Công an xã.

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%.

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 3 tầng ($\leq 15m$).

+ Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

* Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã:

- Vị trí: Định hướng quy hoạch xây dựng mới nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã, trên đường Quốc lộ 28 thuộc thôn 8.

- Quy mô diện tích: 4.324 m².

- Định hướng:

+ Xây dựng mới công trình kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã.

+ Xây dựng các hạng mục, lát đặt trang thiết bị đáp ứng yêu cầu sử dụng với trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã.

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%.

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 3 tầng ($\leq 15m$).

+ Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

* Thao trường có quy mô diện tích: 50.660 m².

- Trên địa bàn xã Đắc Ha có 03 mốc khống chế quân dụng; 06 mốc khống chế Pháo binh và 01 khu vực đất quốc phòng 1 (QP1), diện tích 130.000 m² (130ha).

8.2.7. *Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông*: Trên địa bàn hiện có 01 bưu điện hiện hữu đảm bảo phục vụ người dân. Bưu điện nằm trên trục đường trung tâm xã gần UBND, với quy mô khoảng 460 m² (giảm do mở rộng đường).

8.2.8. *Công trình thương mại – dịch vụ*:

* Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- Vị trí: Quy hoạch xây dựng mới khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại vị trí kế bên trụ sở xã.

- Quy mô diện tích: 9.933 m².

- Định hướng:

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%.

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 3 tầng ($\leq 15m$).

+ Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

+ Quy hoạch xây dựng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đảm bảo nguyên tắc: về vị trí là khu vực đầu mối giao thông chính của xã nhằm kết nối, vận chuyển hàng hóa an toàn, thuận lợi, đảm bảo khoảng cách, vệ sinh môi trường cho khu dân cư theo quy định. Về quy mô phải đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế thực tiễn của địa phương, phù hợp với quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

* Chợ:

- Vị trí: Quy hoạch xây dựng mới khu Chợ xã tại vị trí kế bên nhà văn hóa xã.

- Quy mô diện tích: 9.978,70 m².

- Định hướng:

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%.

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 3 tầng ($\leq 15m$).

+ Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

* Cửa hàng xăng dầu:

- Định hướng: Cửa hàng xăng dầu đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành (Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/6/2020 về việc ban

hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu QCVN 01:2020/BCT, QCVN 01:2020/BCT quy định về yêu cầu kỹ thuật cơ bản trong thiết kế xây dựng mới, đóng mới, cải tạo mở rộng, hoán cải các cửa hàng xăng dầu trên mặt đất và trên mặt nước thuộc chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,...).

8.2.9. Công trình tôn giáo – tín ngưỡng:

- Định hướng:

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%.

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 3 tầng ($\leq 15m$).

+ Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

8.2.10. Công trình chức năng khác:

- Trụ sở làm việc các công ty TNHH trên địa bàn xã, các công trình cấp huyện, tỉnh, Trung ương, giữ nguyên vị trí và quy mô diện tích hiện trạng, điều chỉnh ranh giới cho phù hợp với đường giao thông.

- Định hướng:

+ Hiện trạng công trình xây dựng trụ sở làm việc của các công ty được giữ nguyên. Khi có nhu cầu cải tạo, xây dựng mới thì phải tuân thủ theo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Xây dựng các hạng mục, lắp đặt trang thiết bị đáp ứng yêu cầu sử dụng.

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40% -70%.

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 5 tầng ($\leq 20m$).

+ Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

9. Quy hoạch sử dụng đất:

Trên cơ sở phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất huyện Đăk Glông đến năm 2030 và các quy định, quản lý ngành, quy chuẩn hiện hành; tổng hợp quy hoạch sử dụng đất của xã Đăk Ha trong các giai đoạn được xác định như sau:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT					
STT	CHỨC NĂNG (THEO QUY ĐỊNH CỦA NGÀNH XÂY DỰNG)	Diện tích đến năm 2030 (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích đến năm 2035 (ha)	Tỉ lệ (%)
A	Đất nông nghiệp	13.540,47	88,617	13.122,44	85,881
1	Đất trồng lúa	65,32	0,427	40,49	0,265
2	Đất trồng trọt khác	5.950,43	38,943	5.490,69	35,934
3	Đất rừng sản xuất	1.886,53	12,347	1.599,79	10,470
4	Đất rừng phòng hộ	5.445,48	35,638	5.726,20	37,476
5	Đất nuôi trồng thủy sản	13,65	0,089	11,85	0,078

6	Đất nông nghiệp khác	179,06	1,172	253,42	1,659
B	Đất xây dựng	858,15	5,616	1.253,00	8,200
1	Đất ở	58,87	0,385	443,29	2,901
2	Đất công cộng	21,37	0,140	22,12	0,145
2.1	- Đất trụ sở cơ quan	6,23	0,041	6,23	0,041
2.2	- Đất y tế	0,50	0,003	0,50	0,003
2.3	- Đất bưu điện	0,08	0,001	0,08	0,001
2.4	- Đất cơ sở văn hóa, sinh hoạt cộng đồng	2,45	0,016	2,45	0,016
2.5	- Đất giáo dục	11,21	0,073	11,21	0,073
2.6	- Đất chợ	0,25	0,002	1,00	0,007
2.7	- Đất công trình công cộng khác	0,65	0,004	0,65	0,004
3	Đất cây xanh thể dục thể thao	0,95	0,006	13,50	0,088
4	Đất tôn giáo, danh lam di tích, đình đền	1,70	0,011	1,99	0,013
5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	68,13	0,446	68,13	0,446
6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	191,77	1,255	191,77	1,255
7	Đất xây dựng các chức năng khác	9,36	0,061	10,19	0,067
8	Đất hạ tầng kỹ thuật	25,95	0,170	29,86	0,195
8.1	- Đất xử lý chất thải rắn	12,61	0,083	16,61	0,109
8.2	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	8,75	0,057	8,66	0,057
8.3	- Đất đất hạ tầng kỹ thuật khác	4,59	0,030	4,59	0,030
9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	126,99	0,831	126,99	0,831
10	Đất quốc phòng, an ninh	353,06	2,311	353,06	2,311
C	Đất khác	881,15	5,767	904,33	5,918
1	Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước chuyên dùng	229,51	1,502	252,69	1,654
2	Đất giao thông	181,39	1,187	181,39	1,187
3	Đất phát triển hoạt động du lịch	470,25	3,078	470,25	3,078
TỔNG CỘNG		15.279,77	100,000	15.279,77	100,000

BẢNG TỔNG HỢP BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI						
STT	CHỨC NĂNG	Diện tích năm 2023 (ha)	Tăng/giảm giai đoạn 2023-2030	Diện tích đến năm 2030 (ha)	Tăng/giảm giai đoạn 2030-2035	Diện tích đến năm 2035 (ha)
A	Đất nông nghiệp	14.502,87	- 962,40	13.540,47	- 418,03	13.122,44
B	Đất xây dựng	396,31	+ 461,84	858,15	+ 394,85	1.253,00
C	Đất khác	380,58	+ 500,57	881,15	+ 23,18	904,33

TỔNG CỘNG	15.279,77		15.279,77		15.279,77
-----------	-----------	--	-----------	--	-----------

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

10.1. Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã:

- Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu của từng loại quy hoạch và tính chất đặc thù của từng địa phương.

- Quy hoạch giao thông phải xác định quỹ đất dành cho xây dựng và phát triển giao thông; vị trí, quy mô các công trình đầu mối; tổ chức mạng lưới giao thông. Xác định phạm vi bảo vệ và hành lang an toàn giao thông;

- Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng phải xác định các khu vực thuận lợi xây dựng; khu vực cấm và hạn chế xây dựng; cao độ xây dựng; mạng lưới thoát nước mưa và các công trình đầu mối;

- Quy hoạch cấp nước phải xác định nhu cầu; lựa chọn nguồn; xác định vị trí, quy mô các công trình cấp nước (bao gồm mạng lưới tuyến truyền tải và phân phối, nhà máy, trạm làm sạch); phạm vi bảo vệ nguồn nước và hành lang bảo vệ các công trình cấp nước;

- Quy hoạch thoát nước thải phải xác định tổng lượng nước thải; vị trí và quy mô các công trình thoát nước (bao gồm mạng lưới tuyến ống thoát, nhà máy, trạm xử lý nước thải); khoảng cách ly vệ sinh và hành lang bảo vệ các công trình thoát nước thải;

- Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng phải xác định nhu cầu sử dụng năng lượng, chiếu sáng; nguồn cung cấp; yêu cầu bố trí địa điểm, quy mô các công trình đầu mối; mạng lưới truyền tải, mạng lưới phân phối; hành lang an toàn và phạm vi bảo vệ các công trình;

- Quy hoạch xử lý chất thải rắn phải xác định tổng lượng chất thải; vị trí, quy mô các điểm trung chuyển, các cơ sở xử lý chất thải rắn, các công trình phụ trợ, khoảng cách ly vệ sinh của các cơ sở xử lý chất thải rắn;

- Quy hoạch nghĩa trang phải xác định nhu cầu an táng; vị trí, quy mô và ranh giới nghĩa trang;

- Quy hoạch thông tin liên lạc phải xác định tuyến truyền dẫn thông tin, vị trí, quy mô trạm vệ tinh, tổng đài và các công trình phụ trợ kèm theo.

10.2. Quy hoạch giao thông:

10.2.1. Giao thông đối ngoại:

- Đường quốc lộ 28 đoạn qua trung tâm xã được quy hoạch với bề rộng nền đường 50m, trong đó:

+ Lòng đường rộng: 12-15m.

+ Hè đường: 2 bên x 7,5m.

+ Hành lang an toàn: 2 bên x 10,0m.

- Đường quốc lộ 28 đoạn ngoài trung tâm xã được quy hoạch với bề rộng nền đường 50m, lòng đường rộng: 12-15m.

- Đường Vành đai được quy hoạch với bề rộng nền đường 42m, lòng

đường rộng 12-15m.

- Đường liên xã Đăk Ha – Đăk R’ măng được quy hoạch với bề rộng nền đường 20m, lòng đường rộng 8-10m.

10.2.2. Giao thông đối nội:

- Hệ thống giao thông đường bộ, nâng cấp các tuyến đường hiện hữu, xây dựng thêm các tuyến đường mới nối liền với các trục đường chính. Từ các thôn sẽ xây dựng các tuyến giao thông liên thôn kết nối với tuyến giao thông liên xã theo hình cành cây.

- Đường giao thông phục vụ sản xuất và dân sinh có lộ giới đủ để các xe cơ giới tránh nhau, dễ dàng.

- Đường Liên xã: quy hoạch nền đường rộng 16m - 20m; lòng đường rộng 7,0m -10m, hè/ lề đường hai bên mỗi bên rộng 4,0 - 5,0m; mặt đường BTXM hoặc đường nhựa.

- Đường Liên thôn có nền đường rộng 12,0m -14,0m, lòng đường rộng 6,0m-7,0m, hè đường hai bên mỗi bên rộng 3,0 - 3,5m, mặt đường BTXM hoặc đường nhựa.

- Đường ngõ xóm, đường nội đồng: Nâng cấp, mở rộng trên cơ sở mạng lưới cũ đảm bảo mặt đường 4,0m, nền đường 6,0m-8,0m.

10.3. Thủy lợi:

- Hệ thống kênh mương cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất của xã, tuy nhiên cần cải tạo và kiên cố hóa để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật lâu dài.

- Các đập đầu mối đã được quy hoạch và đầu tư xây dựng. Hệ thống kênh mương cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất của xã, tuy nhiên cần cải tạo và kiên cố hóa để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật lâu dài.

10.4. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt:

10.4.1. Quy hoạch cao độ nền:

- Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, giảm thiểu khối lượng đào đắp, đảm bảo các yếu tố như kỹ thuật, kinh tế, thẩm mỹ.

- Kết hợp hài hòa giữa khu vực xây mới và khu vực hiện trạng. Đặc biệt sự kết hợp giữa các khu chức năng mới hình thành phải đảm bảo tính đồng bộ với khu hiện trạng đã có.

- San nền theo nguyên tắc đảm bảo thoát nước tự chảy được thuận lợi nhất, không bị ngập úng, sạt lở.

- Các khu vực đòi hỏi không san lớn mà chỉ tạo mặt bằng công trình và mặt đường đảm bảo độ dốc tiêu chuẩn cho các phương tiện giao thông hoạt động.

- Đảm bảo cho các khu vực xây dựng không bị ngập úng cục bộ.

- Địa hình hiện trạng khu quy hoạch là khu vực nhiều đồi bát úp và mặt nước, nên thiết kế cao độ san nền, cao độ tim đường tại các đỉnh đồi, sườn đồi có cao độ lớn có đường giao thông đi qua, thiết kế đào, giảm thấp cao độ, điều phối đất về những nơi phải đắp nhiều, tạo đường đào đắp tương đối cân bằng.

10.4.2. Thoát nước mưa:

- Khu vực nghiên cứu quy hoạch có chỗ là đất đồi san gạt đi, có chỗ phải đắp cao hơn so với địa hình hiện tại. Lựa chọn hệ thống thoát nước chân ta luy dựa vào địa hình san gạt sau đó thoát ra sông, suối, nước mặt đường được thoát từ chỗ cao chảy vào chỗ thấp theo dọc đường và cống thoát nước hai bên đường, sau đó từ cửa xả thoát ra sông, suối.

- Gia cố, mở rộng hệ thống suối khu vực chảy qua khu dân cư nhằm chống sạt lở. Đối với khu dân cư nằm bên sườn đồi, núi bố trí các mương đón hướng dòng chảy trên đỉnh đồi, núi xuống, không để chảy qua khu dân cư. Ngoài ra bổ sung hệ thống rãnh thoát nước tại các trục đường liên thôn, liên xã... Đảm bảo không còn hiện tượng ngập úng cục bộ cũng như ngập úng diện rộng trên địa bàn xã.

- Mạng lưới cống được đặt dọc các đường thôn xóm, các trục đường liên thôn, liên xã để thu gom nước thải từ các cụm dân cư, thu gom nước mưa đưa ra chỗ xả.

- Công tác khác: Nạo vét khơi thông dòng chảy các mương tưới tiêu đảm bảo thoát lũ, không gây ngập úng khu vực tại các đoạn đường ngõ xóm.

10.5. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

10.5.1. Nhu cầu cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2030: 3.150 m³/ngày, đêm.

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2035: 3.400 m³/ngày, đêm.

10.5.2. Nguồn cấp nước:

- Chọn nước ngầm tầng sâu làm nguồn chính khai thác cấp cho trạm xử lý nước sạch để phục vụ cho sinh hoạt.

- Giải pháp quy hoạch: Cấp nước theo hình thức tập trung với các công trình xử lý nước được đầu tư hoàn chỉnh.

- Để đảm bảo cấp nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an toàn bền vững trong cấp nước sinh hoạt, kết nối mạng lưới cấp nước liên huyện để đảm bảo việc cung cấp nước đến người dân được ổn định, giảm thiểu rủi ro thiếu hụt nước.

- Sử dụng loại hình cấp nước và lưu trữ nước mưa với quy mô gia đình ở những nơi khó khăn hoặc không thể khai thác được nước ngầm và nước mặt về phương diện kỹ thuật hoặc kinh tế.

- Xây dựng mới các công trình thủy lợi, công trình hồ chứa nước: Hồ chứa nước Đák Ha... để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

10.5.3. Mạng lưới cấp nước:

- Các tuyến ống được đi cấp theo đường, bố trí trên hè đường, nằm phía trước các công trình để thuận tiện cho việc cung cấp nước.

- Lắp đặt các tuyến ống Ø75 - Ø110 lấy nước từ tuyến ống chính, cấp nước cho toàn bộ các khu dân cư của xã.

- Hệ thống cấp nước PCCC: Bố trí các trụ cứu hỏa dọc theo mạng đường ống cấp nước Ø100 - Ø150, tại các vị trí ngã 3, ngã 4 đường, đảm bảo cho việc lấy nước chữa cháy dễ dàng (*chi tiết bố trí với bán kính 100 - 150m được thể hiện trong đồ án quy hoạch cấp dưới*).

10.6. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

10.6.1. Nguồn điện: Được cấp về bằng tuyến 476E54 từ Đắc Nông và nhà máy thủy điện Đắc N'Teng chạy qua địa bàn. Ngoài ra, cung cấp điện cho xã còn có tuyến đường lưới điện quốc gia 220 - 500kV thông qua trạm biến áp 220/35/22KV – Thủy điện Buôn Tua Srah có công suất (2 x 51KVA) vị trí tại huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk và huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

10.6.2. Nhu cầu điện:

- Năm 2030: 32,74 triệu kWh/ năm.

- Năm 2035: 42,73 triệu kWh/ năm.

10.6.3. Tuyến trung thế:

- Các tuyến trung thế xây dựng mới sử dụng cáp nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm cao 12 đến 14 mét. Khoảng cách trung bình giữa 2 trụ trung thế khoảng 60 - 80 mét.

- Điện áp chuẩn cho xã là cấp điện áp 22KV, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất. Đối với trung tâm xã sử dụng mạch vòng vận hành hở.

10.6.4. Trạm hạ thế:

- Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối là 22/0,4KV.

- Trong trung tâm xã, các trạm sinh hoạt nên dùng trạm trụ, trạm giàn hoặc trạm compact.

- Nâng cấp trạm biến áp hiện hữu tại trung tâm xã, công suất lên 1.000kVA.

- Xây dựng mới 05 trạm biến áp trên địa bàn xã.

10.6.5. Lưới hạ áp 0,4kV:

- Mạng lưới hạ áp mới xây dựng sẽ được đi cáp nổi ABC, tiết diện đảm bảo: từ 4xABC-70 ÷ 4xABC-120. Đi trên cột bê tông ly tâm, các đoạn trùng với tuyến trung thế có thể đi chung cột.

- Trên các cột hạ thế lắp đặt mới các hòm công tơ composite loại 4 - 6 công tơ tùy theo vị trí cụ thể. Dây sau công tơ nên chuẩn hoá loại 2x6 hoặc 2x10mm².

10.6.6. Lưới chiếu sáng:

- Đèn chiếu sáng là loại đèn Led hoặc sodium 220V hoặc các loại đèn có hiệu suất cao tiết kiệm điện, mức độ chiếu sáng phải đạt theo tiêu chuẩn QCVN 07-7:2023/BXD. Sử dụng các thiết bị điều khiển giảm công suất chiếu sáng vào giờ thấp điểm để tiết kiệm điện.

10.7. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

10.7.1. Lưu lượng nước thải:

- Tổng lượng nước thải đến năm 2030: 2.200 m³/ngày, đêm.

- Tổng lượng nước thải đến năm 2035: 2.200 m³/ngày, đêm.

10.7.2. Giải pháp thoát nước:

- Các điểm dân cư ở nông thôn tập trung phải có hệ thống thoát nước mưa và nước thải, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, hợp vệ sinh;

- Đối với khu trung tâm xã và khu dân cư số 6: Bố trí khu xử lý nước thải cục bộ phục vụ nhu cầu thoát nước tại khu vực trung tâm xã và khu dân cư số 6. Nước thải tại nguồn thải sau khi được xử lý cục bộ qua bể tự hoại sẽ được tách riêng, thoát theo ống thoát nước thải BTCT D300 dẫn về khu xử lý nước thải công suất 600m³/ ngày. Nước thải sau khi xử lý đạt theo tiêu chuẩn cột B quy chuẩn QCVN-40/2021 BTNMT, sau đó được xả theo hệ thống thoát nước chung.

- Đối với CCN BMC xây dựng khu xử lý nước thải có công suất 850m³/ ngày.

- Đối với các khu phát triển dịch vụ, du lịch: Sử dụng giải pháp xử lý nước thải tại các trạm xử lý phân tán.

- Cần tận dụng các ao, hồ, kênh, rạch, để thoát nước và làm sạch nước thải tự nhiên. Cho phép sử dụng hệ thống thoát nước mưa để thoát nước thải đã xử lý qua bể tự hoại;

- Nước thải từ các cơ sở sản xuất bị nhiễm bẩn và gây độc hại phải được phân loại, thu gom ra hệ thống tiêu thoát riêng hợp vệ sinh và xử lý đạt yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

- Tối thiểu phải thu gom đạt 85% lượng nước cấp để xử lý.

- Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại công trình sau đó được thoát ra hệ thống thoát nước chung.

- Toàn bộ các điểm tiêu thụ công nghiệp có hệ thống xử lý và thu gom nước thải riêng hoàn toàn, mạng lưới thoát nước mưa riêng, mạng lưới thoát nước thải riêng. Tiêu chuẩn thu gom nước thải và xử lý nước thải đạt 100%. Nước thải đầu ra đảm bảo tiêu chuẩn hiện hành theo cột B quy chuẩn QCVN-40/2021 BTNMT.

- Nước sinh hoạt phải có hệ thống thoát nước riêng với mỗi gia đình gắn vào rãnh thoát nước giao thông tới hệ thống thoát nước chính. Các hộ gia đình thường xuyên kiểm tra nạo vét để tăng khả năng thoát nước.

- Tại các cơ sở sản xuất nước thải phải xử lý cục bộ trước khi thoát vào hệ thống chung.

- Lưu ý làm đường và rãnh thoát nước có nắp đậy, bảo đảm độ dốc, hố ga lưu thông cho dòng chảy.

- Đối với các cơ sở y tế: Nước thải được xử lý cục bộ riêng, giai đoạn đầu xử lý triệt để sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung.

- Đối với các cơ sở dịch vụ công cộng khác, nước thải được xử lý theo tiêu chuẩn hiện hành sau đó được thoát vào hệ thống thoát nước chung.

- Nước thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Phải được xử lý cục bộ trong từng cơ sở, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung.

10.7.3. Mạng lưới thoát nước:

- Mạng lưới thoát nước thiết kế theo hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, có xử lý nước thải tại nguồn phát sinh.

- Nước thải sinh hoạt từ các khu công cộng: Phải xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT.

- Nước thải và phân gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi lớn sẽ xử lý bằng bể biogas, tạo năng lượng để đun bếp, thắp sáng.

- Hệ thống thoát nước thải của cụm công nghiệp là hệ thống thoát nước riêng (*tách riêng nước thải sản xuất với nước mưa*). Nước thải sản xuất phải xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT.

10.7.4. Quản lý chất thải rắn (rác thải):

- Nhu cầu thu gom Chất thải rắn xã Đắc Ha đến năm 2030 là 12,13 tấn/ngđ, đến năm 2035 khoảng 14,07 tấn/ngđ.

- Rác thải được tập trung trong các thùng 0,33m³ đặt tại các góc đường trong các khu vực dân cư, công trình công cộng,... sau đó được Ban Quản lý các công trình công cộng và môi trường huyện thu gom, vận chuyển đưa đến khu xử lý chất thải rắn tại xã với diện tích 16,6ha. Sau đó được xử lý bằng phương pháp đốt kết hợp chôn lấp an toàn vệ sinh.

- Vận chuyển rác ra khỏi khu vực trong ngày, không xây dựng điểm tập trung rác trong khu vực dân cư tránh gây ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích người dân phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn. Rác thải vô cơ để thu hồi tái chế, rác thải hữu cơ thu gom đến khu xử lý tập trung.

- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt được thu gom bằng phương pháp thủ công kết hợp cơ giới. Trong quá trình thu gom tiến hành phân loại sơ bộ CTR thành 2 loại: chất thải vô cơ và chất thải hữu cơ. CTR vô cơ không thể tái chế đưa về bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh, CTR hữu cơ đưa về nhà máy chế biến CTR thành phân hữu cơ.

- CTR phục vụ sản xuất nông nghiệp phải được thu gom triệt để trên khu vực trồng trọt, chứa riêng và bỏ vào ô chứa rác nông nghiệp để được thu gom riêng và xử lý theo quy định. Tuyệt đối không được vứt xuống ao, hồ, kênh rạch gây ô nhiễm nguồn nước. Không được chôn xuống đất nếu chưa được xử lý gây ô nhiễm môi trường đất và nguồn nước dưới đất.

- Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ sở chăn nuôi dưới hình thức trang trại, cần phải đánh giá tác động môi trường được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động. Đồng thời cần tiến hành kiểm tra định kỳ đạt chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường bên ngoài, nhằm giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã.

- Chất thải rắn y tế nguy hại phải thu gom, xử lý theo công nghệ đốt (*lò đốt tại trung tâm y tế*).

10.7.5. Nghĩa trang, nghĩa địa:

- Cải tạo lại nghĩa trang, nghĩa địa hiện hữu. Nghĩa trang, nghĩa địa được xây dựng theo mẫu chung phù hợp với tập quán tâm linh của người dân, có cổng, tường rào bao quanh. Trong nghĩa địa trồng cây xanh, có đường đi, mộ xây có hàng lối, có bộ phận quản trang. Xây dựng nhà hỏa táng kết hợp bên cạnh nghĩa trang, nghĩa địa khuyến khích người dân chuyển dần sang hình thức hỏa táng.

- Trong giai đoạn quy hoạch bổ sung quy hoạch chi tiết, cấm mốc giới quản lý cho các nghĩa trang. Nghĩa trang được xây dựng theo mẫu chung phù hợp với tập quán tâm linh của người dân, có cổng, tường rào bao quanh. Trong nghĩa trang trồng cây xanh, có đường đi, mộ xây có hàng lối, có bộ phận quản trang. Có quy chế quản lý đối với các nghĩa trang trên địa bàn.

Bảng thống kê nghĩa trang		
TT	Vị trí	Diện tích (ha)
1	Nghĩa trang thôn 4, thôn 5	1,50
2	Nghĩa trang thôn 6, thôn 7	4,50
3	Nghĩa trang thôn 3, Bon Kon Hao	2,70
4	Nghĩa trang thôn 8, Bon Ting Wêl Đăng	1,70

10.8. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Dự kiến thuê bao tới năm 2030: 10.164 thuê bao.
- Dự kiến thuê bao tới năm 2035: 11.781 thuê bao.
- Hiện nay xã Đăk Ha có điểm bưu điện văn hóa xã, với quy mô nhu cầu thuê bao tính trên cần mở rộng điểm bưu điện văn hóa xã để phục vụ người dân trong xã được tốt hơn.

11. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

11.1. Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã và kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn:

- Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn từ nay đến 2035, nhưng ưu tiên các công trình mang tính bức xúc và cần thiết cho nhu cầu hiện nay của nhân dân và đạt được các tiêu chí NTM đã đề ra. Đặc biệt là các công trình hạ tầng giao thông và các công trình phúc lợi xã hội cần ưu tiên đầu tư xây dựng trước. Nhằm góp phần phát triển kinh tế xã hội và đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu đã đề ra.

- Tạo lập quy đất xây dựng nhà ở xã hội và tái định cư phục vụ cho các hộ dân bị giải tỏa do quá trình khai thác bauxit mà không làm thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất vì các điểm dân cư số 1; 2; 4 thuộc khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (Theo quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ) sẽ được giải tỏa, đền bù theo lộ trình khai thác.

- Đăk Ha dự kiến đạt nông thôn mới vào năm 2025. Nhìn chung trong mấy năm trở lại đây cơ bản xã được đầu tư nhiều về cơ sở hạ tầng. Để phục vụ cho mục đích định hướng phát lâu dài (định hướng năm 2035) cũng như đảm bảo tính khả thi của đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đăk Ha. Chính vì vậy

việc lập danh mục chương trình, dự án và có kế hoạch phân kỳ đầu tư thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn xã là hết sức cần thiết.

11.2. Dự kiến sơ bộ nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện:

11.2.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật:

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống giao thông.
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi.
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp lưới điện.
- Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt.

11.2.2. Các dự án hạ tầng xã hội:

- Dự án nâng cấp trụ sở làm việc và các công trình khu trung tâm xã;
- Dự án nâng cấp nhà văn hóa trung tâm và khu thể thao trung tâm xã;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao các thôn;
- Dự án đầu tư trang thiết bị cho các công trình cơ quan, trường học và văn hóa.

11.2.3. Các chương trình, dự án khác:

- Đầu tư cho công tác lập quy hoạch chung xây dựng xã;
- Đầu tư cho công tác lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn tỷ lệ 1/500;
- Đầu tư cho công tác nâng cấp hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn;
- Đầu tư cho công tác phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất;
- Đầu tư cho công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực;
- Đầu tư cho công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

*** Ghi chú:**

- Đối với các công trình đã và đang sử dụng thì tùy vào tình hình thực tế phát triển cũng như khả năng cân đối nguồn vốn để bổ sung danh mục đầu tư mới hoặc cải tạo nâng cấp cho phù hợp với cảnh quan cũng như tình hình phát triển của địa phương theo giai đoạn.

- Các cơ sở thương mại dịch vụ và các khu tiểu thủ công nghiệp được quy hoạch khuyến khích sử dụng nguồn lực đầu tư từ nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp, hợp tác xã... (*ưu tiên các doanh nghiệp, hợp tác xã đóng trên địa bàn*).

11.3. Kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn:

Việc phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn định hướng 2030 và tầm nhìn 2035 thực hiện dựa trên cơ vật chất hiện trạng đã có và định hướng nguồn lực đầu tư chung trên địa bàn huyện.

11.3.1. Giai đoạn đến năm 2030:

- Hoàn thành quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn tỷ lệ 1/500.

- Hoàn thành việc cấm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt.

- Nâng cấp, cải tạo 65% đường giao thông trục xã, trục thôn, ngõ xóm.

- Đường trục chính nội đồng: Kiên cố hóa bê tông mặt đường và kè đường nội đồng đạt 60%.

- Nâng cấp kiên cố hóa 60% kênh mương cấp 3 trên địa bàn xã.

- Mở rộng diện tích nhà văn hóa các thôn, xây dựng sân thể thao trong khuôn viên nhà văn hóa các thôn.

- Hỗ trợ nâng cấp, tu sửa nhà cửa đã xuống cấp hoặc hư hỏng cho những hộ gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, người già neo đơn,...

11.3.2. Giai đoạn 2030 - 2035:

- Nâng cấp, cải tạo 35% đường giao thông trục xã, trục thôn, ngõ xóm còn lại.

- Đường trục chính nội đồng: Kiên cố hóa bê tông mặt đường và kè đường nội đồng các đoạn tuyến quy hoạch còn lại.

- Nâng cấp kiên cố hóa 40% kênh mương cấp 3 còn lại trên địa bàn xã.

- Tiếp tục hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhà ở cho những hộ gia đình thuộc diện chính sách, người có công, hộ nghèo, người đơn thân.

- Xây dựng các điểm dân cư mới theo quy hoạch điểm dân cư 1/500.

12. Nguồn vốn: Vốn từ nguồn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

13. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã.

- Trong năm 2024 - 2025 đạt xã nông thôn mới và giai đoạn 2025 - 2030 xã nông thôn mới nâng cao. Đến năm 2030, phát triển nền kinh tế - xã hội và văn hóa đồng bộ, hiện đại, phát triển truyền thống của xã gắn với hình ảnh của một xã thuần nông phát triển. Đồ án “ Quy hoạch chung xây dựng xã Đắc Ha đến năm 2035 được thực hiện 2 giai đoạn: đến năm 2030 và định hướng giai đoạn 2030-2035. Cụ thể:

- Sau khi Quy hoạch được phê duyệt cần tập trung nguồn vốn, nguồn lực để thực hiện đầu tư xây dựng nông thôn sớm có hiệu quả.

- Công bố công khai đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Đắc Ha đến năm 2035 theo quy định để cho Nhân dân được biết và thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để người dân hưởng ứng thực hiện. Hằng năm tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ thôn, xã triển khai, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Lập kế hoạch đầu tư các công trình theo thứ tự ưu tiên từng bước xây dựng nông thôn mới theo lộ trình.

14. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch:

Tuân thủ các quy định về quản lý xây dựng, cải tạo bảo vệ và sử dụng các công trình tại xã, thôn, bon theo đúng với đồ án “ Quy hoạch chung xây dựng xã Đắc Ha đến năm 2035” được UBND huyện Đắc Glong phê duyệt và Quy định quản lý quy hoạch kèm theo.

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã Đăk Ha là chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 của Quyết định này và các nội dung sau:

- Tổ chức công bố, công khai quy hoạch cho tổ chức, cá nhân, người dân trong xã biết để thực hiện sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt.

- Tổ chức quản lý xây dựng theo đúng quy hoạch. Vận động, tuyên truyền trong nhân dân trên địa bàn xã thông hiểu và hưởng ứng thực hiện quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh văn hoá để đạt tiêu chí xã nông thôn mới.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch trình UBND huyện xem xét, quyết định.

- Phối hợp Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xây dựng hoàn chỉnh quy định quản lý theo quy hoạch trình UBND huyện ban hành để làm cơ sở quản lý, cấp giấy phép xây dựng, thực hiện dự án đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Đăk Ha và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng tỉnh Đăk Nông;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện; } (b/c)
- UBND huyện;
- UBMTTQ Việt Nam huyện;
- Ban TG và DV Huyện ủy;
- BCH Quân sự huyện;
- Hạt Kiểm lâm liên huyện ĐGL – GN;
- Phòng giao dịch số 28 – KBNN KV XIV;
- HĐTD số 544;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Phương